TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **59**/2018/HNGĐ-ST
Ngày 30-5-2018
V/v tranh chấp ly hôn và
chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Dương Minh Út.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hải Hưng.

Bà Trần Lệ Chi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Đà Lạl là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 30 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 104/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp ly hôn và chia tài sản khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1969 (có mặt).
- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Minh H, sinh năm 1967 (có mặt).

Cùng cư trú tại: Ấp 3, xã K, huyện M, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04-4-2018 và biên bản hòa giải ngày 16-5-2018 cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Minh H xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 1990, không có đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, anh H có mối quan hệ như vợ chồng với người phụ nữ khác dẫn đến ly thân nhau khoảng 23 năm. Nay chị N yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về nuôi con chung: Có 02 người con chung tên Nguyễn Vũ L, sinh năm 1991 và Nguyễn Trí T, sinh năm 1992. Hiện nay các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống cha, mẹ chồng có cho phần đất diện tích 19.100m^2 tọa lạc tại ấp 3, xã K, huyện M, tỉnh Cà Mau; đến năm 1995 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng do anh Nguyễn Minh H đứng tên. Nay chị N yêu cầu phân chia diện tích đất nêu trên theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, chị N xin rút lại yêu cầu phân chia diện tích đất nêu trên. Sau khi ly hôn, chị N và anh H tự thỏa thuận.

Về nợ người khác và người khác nợ lại: Chị N xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 16-5-2018 và tại phiên tòa, bị đơn là anh Nguyễn Minh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh H thống nhất với lời trình bày của chị Nguyễn Thị N về thời điểm xác lập quan hệ hôn nhân, hôn nhân tự nguyện và không có đăng ký kết hôn. Anh H xác định nguyên nhân mâu thuẫn như nguyên đơn trình bày là đúng. Nay anh H đồng ý ly hôn với chị N.

Về nuôi con chung: Anh H xác định có 02 người con chung tên Nguyễn Vũ L, sinh năm 1991 và Nguyễn Trí T, sinh năm 1992 là đúng. Hiện nay các con đã trưởng thành nên anh H thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống cha, mẹ của anh H có cho phần đất diện tích 19.100m^2 được UBND huyện M, tỉnh Cà Mau cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng năm 1995 do anh Nguyễn Minh H đứng tên. Nay anh H đồng ý không yêu cầu phân chia trong vụ án này, sau khi ly hôn anh và chị N tự thỏa thuận.

Về nợ người khác và người khác nợ lại: Anh H thống nhất xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Minh H tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 1990. Tuy chị N và anh H xác lập quan hệ hôn nhân trên tinh thần tự nguyện và có đủ điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật hôn nhân và gia đình nhưng trong quá trình chung sống, đến thời điểm yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn không có đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh và chị không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ, chồng theo quy định tại Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2] Về nuôi con chung: Có 02 người con chung tên Nguyễn Vũ L, sinh năm 1991 và Nguyễn Trí T, sinh năm 1992. Hiện nay các con chung đã trưởng thành, điều kiện phát triển về thể chất và khả năng nhận thức bình thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Phần đất diện tích 19.100m^2 thuộc thửa số 30, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp 3, xã K, huyện M, tỉnh Cà Mau đến năm 1995 được cấp

Giấy chứng nhận quyền sử dụng do anh Nguyễn Minh H đứng tên. Tại phiên tòa, chị N rút lại yêu cầu phân chia diện tích đất nêu trên để chị và anh H tự thỏa thuận sau khi ly hôn; anh H thống nhất và không yêu cầu phân chia trong vụ án này. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu của chị N là trên tinh thần tự nguyện, không trái quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ đối với yêu cầu phân chia diện tích đất nêu trên. Sau khi ly hôn, anh H và chị N có phát sinh tranh chấp thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản sau khi ly hôn theo quy định pháp luật.

[4] Tại phiên tòa, chị N và anh H đều xác định trong quá trình chung sống anh, chị không nợ người khác và không ai nợ lại nên không yêu cầu xem xét giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của chị N, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[6] Tại phiên tòa, chị N rút lại yêu cầu phân chia tài sản chung là quyền sử dụng diện tích đất 19.100m^2 nên hoàn trả lại cho chị N số tiền tạm ứng án phí có giá ngạch đã dự nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 7 Điều 28 và khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 14 và 53 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Minh H là vợ chồng.

2. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu của chị Nguyễn Thị N về việc yêu cầu phân chia diện tích đất 19.100m^2 thuộc thửa số 30, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp 3, xã K, huyện M, tỉnh Cà Mau do anh Nguyễn Minh H đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng.

Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Minh H có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình 300.000 đồng. Ngày 05 tháng 4 năm 2018, chị N đã dự nộp án phí hôn nhân và gia đình 300.000 đồng và án phí dân sự có giá ngạch 4.700.000 đồng tại biên lai

số 0011893 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, đối trừ chị N được nhận lại 4.700.000 đồng (Bốn triệu bảy trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Minh H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Dương Minh Út